

Số: 05-07/2022/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/537-bao-cao-tai-chinh-rieng-quy-2-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm
2022

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



PHẠM THỊ NGỌC NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		726.228.839.880	769.336.089.430
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.056.592.905	13.097.514.020
1. Tiền	111		7.056.592.905	3.097.514.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	-
0. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		707.756.093.168	754.825.107.483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	680.834.088.898	754.478.646.236
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	34.431.089.745	8.382.192.893
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.100.000.000	1.965.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	324.173.145	433.887.855
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.933.258.620)	(10.434.619.501)
IV. Hàng tồn kho	140	10	652.087.280	652.087.280
1. Hàng tồn kho	141		652.087.280	652.087.280
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		764.066.527	761.380.647
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.881.693	110.890.473
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		740.184.834	650.490.174
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.791.442.761	486.746.051.173
II. Tài sản cố định	220		14.315.831.862	95.446.255.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.315.831.862	15.046.255.947
- Nguyên giá	222		23.554.198.131	23.554.198.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.238.366.269)	(8.507.942.184)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		-	80.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	1.188.407.637	1.188.407.637
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.188.407.637	1.188.407.637
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	4.231.583.466	390.111.387.589
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	432.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(328.416.534)	(62.048.612.411)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55.619.796	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		55.619.796	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		746.020.282.641	1.256.082.140.603

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		120.088.053.558	631.856.024.216
I. Nợ ngắn hạn	310		117.849.636.899	468.257.607.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.049.684.805	109.629.662.701
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.245.052.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.673.859.696	545.961.989
3. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	31.599.566.282	116.180.008.765
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	67.505.249.979	234.125.749.965
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II. Nợ dài hạn	330		2.238.416.659	163.598.416.659
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.238.416.659	163.598.416.659
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		625.932.229.083	624.226.116.387
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	625.932.229.083	624.226.116.387
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.810.400.214)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.516.512.910)	(86.095.889.432)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.706.112.696	4.579.376.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		746.020.282.641	1.256.082.140.603

Trần Xuân Đạt
Người lập

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2022		Quý II/2021		Lũy kế đến hết 30/06/2022		Lũy kế đến hết 30/06/2021	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	696.510.600	755.917.644.085	41.035.199.710	1.023.679.660.755				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02									
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		696.510.600	755.917.644.085	41.035.199.710	1.023.679.660.755				
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.275.280.562	740.935.299.240	41.360.542.405	995.308.353.049				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(578.769.962)	14.982.344.845	(325.342.695)	28.371.307.706				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		84.530.858	340.099.487	166.594.779	2.983.435.877				
7. Chi phí tài chính	22		(89.917.760.166)	21.581.145.157	(79.455.860.977)	27.352.374.727				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.318.847.262	12.601.786.651	18.092.437.915	16.394.193.717				
8. Chi phí bán hàng	25		40.282.374	67.651.692	80.564.748	94.387.290				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.529.706.125	1.888.775.953	2.481.287.538	3.565.898.619				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		87.853.532.563	(8.215.128.470)	76.735.260.775	342.082.947				
11. Thu nhập khác	31		6.000.000.000	10.828.377.798	6.000.000.000	4.877.867.587				
12. Chi phí khác	32		80.400.000.000	2.365.717.270	80.400.000.000	2.560.000.000				
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(74.400.000.000)	8.462.660.528	(74.400.000.000)	2.317.867.587				
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.453.532.563	247.532.058	2.335.260.775	2.659.950.534				

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(50=30+40)				
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	629.148.079	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.824.394.484	247.532.058
			1.706.112.696	2.659.950.534

Trần Xuân Đạt
Người lập



Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.335.260.775	2.659.950.534
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		730.424.085	624.469.906
- Các khoản dự phòng	03		(62.221.556.758)	10.341.117.607
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		548.933.911	(220.441.086)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		74.233.675.221	(307.017.653)
- Chi phí lãi vay	06		18.092.437.915	16.394.193.717
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.719.175.149	29.492.273.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		47.052.420.862	(34.265.354.940)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	16.076.968.495
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(99.126.983.826)	(18.790.161.107)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.388.984	(15.120.378)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(102.675.339.012)	(293.103.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(695.621.634)	(50.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(121.694.959.477)	(7.844.498.074)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.000.000.000	160.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.100.000.000)	(2.037.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.965.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		447.600.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167.228.889	1.353.571.368
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		453.632.228.889	9.476.571.368
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(327.980.499.986)	(951.499.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(327.980.499.986)	(951.499.986)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.956.769.426	680.573.308
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.097.514.020	11.110.233.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.309.459	(321.775)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>17.056.592.905</u>	<u>11.790.484.553</u>


Trần Xuân Đạt
Người lập

Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giám vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.021.111.833	273.731.839
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.035.481.072	2.823.782.181
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	17.056.592.905	13.097.514.020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	432.000.000.000	(56.994.894.577)
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	-	-	432.000.000.000	(56.994.894.577)
Dự phòng				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)				
Đầu tư vào đơn vị khác	4.560.000.000	-	20.160.000.000	(5.053.717.834)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	-	4.560.000.000	(704.716.254)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	15.600.000.000	(4.349.001.580)
Dự phòng				
	4.560.000.000	-	452.160.000.000	(62.048.612.411)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Hà Nội	19,00%	19,00%	Kinh doanh thương mại



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.364.162.869	10.028.308.433
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	-
Công ty Cổ phần thương mại Abavia Việt Nam	129.486.350.000	178.676.350.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	232.221.695.000	281.841.995.000
Công ty CP Phát triển phân bón Đình vũ	116.148.072.995	116.148.072.995
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	82.662.490.000	84.662.050.000
Chi tiết khoản phải thu chiếm từ 10% phải thu khách hàng trở lên	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	110.951.318.034	83.121.869.808
	680.834.088.898	754.478.646.236
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	112.860.000
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)</i>		

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	25.981.892.220	-	-	-
Trả trước khác	3.983.371.613	(2.286.087.595)	3.916.366.981	(2.286.087.595)
	34.431.089.745	(6.751.913.507)	8.382.192.893	(6.751.913.507)

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.767.123	-	59.671.233	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.547.500	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	141.900	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	225.000.000	-
Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	-
	324.173.145	(149.216.622)	433.887.855	-

Ak

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

NỢ XẤU

	31/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Đối tượng khác	2.603.834.170	-	3.105.195.051	-
	9.933.258.620	-	10.434.619.501	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
Hàng hoá	-	-	-	-
	652.087.280	-	652.087.280	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.188.407.637	1.188.407.637
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	319.545.455	319.545.455
	1.188.407.637	1.188.407.637

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	-	23.554.198.131
Tại ngày 30/06/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	-	23.554.198.131
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	3.187.351.332	397.272.773	4.157.646.135	765.671.944	-	8.507.942.184
Trích khấu hao	268.154.022	-	434.501.112	27.768.951	-	730.424.085
Tại ngày 30/06/2022	3.455.505.354	397.272.773	4.592.147.247	793.440.895	-	9.238.366.269
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	10.422.976.386	-	4.557.830.681	65.448.880	-	15.046.255.947
Tại ngày 30/06/2022	10.154.822.364	-	4.123.329.569	37.679.929	-	14.315.831.862

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 736.351.173 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thương mại dịch vụ và XNK Trần Trang	482.200.000	482.200.000	76.092.200.000	76.092.200.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn FAGRO INTERNATIONA L TRADING FZE	2.860.080.081	2.860.080.081	19.648.827.780	19.648.827.780
Các khoản phải trả khác	3.707.404.724	3.707.404.724	11.070.129.326	11.070.129.326
	7.049.684.805	7.049.684.805	109.629.662.701	109.629.662.701



Ch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	381.176.445	381.176.445	381.176.445	381.176.445	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	545.621.634	629.148.079	629.148.079	695.621.634	695.621.634	-	-	-	-	479.148.079	479.148.079
Thuế Thu nhập cá nhân	-	340.355	2.195.033.205	2.195.033.205	661.943	661.943	-	-	-	-	2.194.711.617	2.194.711.617
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.513.660	3.513.660	3.513.660	3.513.660	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	545.961.989	3.212.871.389	3.212.871.389	1.084.973.682	1.084.973.682	-	-	-	-	2.673.859.696	2.673.859.696

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

2007
CÔNG
CỔ P
T NH
UANG
RANG.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32.435.264	29.991.184
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hải Phòng	-	39.849.863.010
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ đô	30.825.627.775	26.330.717.825
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-
Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.503.243	741.488.709
	31.599.566.282	116.180.008.765

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức ⁽¹⁾	231.747.000.000	231.747.000.000	-	123.170.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
	53.170.000.000	53.170.000.000	-	3.170.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-	-
- Vay cá nhân	58.577.000.000	58.577.000.000	161.360.000.000	203.860.000.000	16.077.000.000	16.077.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	2.378.749.965	2.378.749.965	-	950.499.986	1.428.249.979	1.428.249.979
	2.378.749.965	2.378.749.965	-	950.499.986	1.428.249.979	1.428.249.979
	234.125.749.965	234.125.749.965	161.360.000.000	327.980.499.986	67.505.249.979	67.505.249.979
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁴⁾	2.238.416.659	2.238.416.659	-	-	2.238.416.659	2.238.416.659
	2.238.416.659	2.238.416.659	-	-	2.238.416.659	2.238.416.659
	161.360.000.000	161.360.000.000	-	161.360.000.000	161.360.000.000	161.360.000.000
	163.598.416.659	163.598.416.659	-	161.360.000.000	2.238.416.659	2.238.416.659

Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÀU SỐ B 09-DN****16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức:

Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hải Phòng theo các Hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

c) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay ngân hàng	50.000.000.000	30.825.627.775	173.170.000.000	66.180.580.835
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	50.000.000.000	30.825.627.775	53.170.000.000	26.330.717.825
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	-	-	120.000.000.000	39.849.863.010
	50.000.000.000	30.825.627.775	173.170.000.000	66.180.580.835

*Handwritten mark*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính riêng
Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2021					
Tại ngày 01/01/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(85.791.019.417)	619.951.609.880
Lãi/lỗ trong 6 tháng đầu năm 2021	-	-	-	2.659.950.534	2.659.950.534
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(83.131.068.883)	622.611.560.414
6 tháng đầu năm 2022					
Tại ngày 01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387
Lãi/lỗ trong 6 tháng đầu năm 2022	-	-	-	1.706.112.696	1.706.112.696
Tại ngày 30/06/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(79.810.400.214)	625.932.229.083

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	Tỷ lệ (%)	01/01/2022	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	693.299.280.000	100,00%	693.299.280.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
d) Cổ phiếu	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	15.692.449.297	15.692.449.297
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
c) Ngoại tệ các loại	30/06/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	5.218,88	6.416,35
19 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	40.020.000.000	1.021.482.693.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.015.199.710	2.196.967.530
	41.035.199.710	1.023.679.660.755
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	-	140.300.924.500

Ch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô I, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.357.857.434	993.176.599.824
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.002.684.971	2.131.753.225
	41.360.542.405	995.308.353.049

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	166.324.779	291.300.383
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	2.454.682.211
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	270.000	17.012.197
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	220.441.086
	166.594.779	2.983.435.877
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	-	-

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.092.437.915	16.394.193.717
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	617.063.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	548.933.911	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(98.097.232.803)	10.341.117.607
Chi phí tài chính khác	-	-
	(79.455.860.977)	27.352.374.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	37.057.580	50.095.334
Chi phí nhân công	1.657.836.311	2.279.062.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	627.563.451	538.752.711
Thuế, phí, lệ phí	-	4.292.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(501.360.881)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.091.986	550.232.947
Chi phí khác bằng tiền	47.099.091	143.462.721
	2.481.287.538	3.565.898.619

24 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	6.000.000.000	15.717.270
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
Tiền phạt thu được	-	3.500.000.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	-
Thu nhập từ việc xóa nghĩa vụ nợ phải trả	-	1.362.150.317
Thu nhập khác	-	-
	6.000.000.000	4.877.867.587

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	80.400.000.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	2.500.000.000
Các khoản thuế bị truy thu và khoản phạt vi phạm hành chính	-	0
Tài trợ vốn cho Công ty CP Transworld QBV ICD	-	-
Chi phí tài trợ các chính sách phúc lợi xã hội	-	-
Chi phí khác	-	60.000.000
	80.400.000.000	2.560.000.000

(*) Chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 lô đất với tổng diện tích 6.810 m² tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với nguyên giá 80.400.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.335.260.775	2.659.950.534
Các khoản điều chỉnh tăng	810.479.622	11.169.253.475
- Chi phí không hợp lệ	448.456.994	11.169.253.475
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	362.022.628	-
...	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(13.829.204.012)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(139.329.693)
- Chuyển lỗ các kỳ trước	-	(13.689.874.319)
...	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.145.740.397	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	629.148.079	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	545.621.634	(100.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(695.621.634)	(50.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	479.148.079	(150.000.000)

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.057.580	50.095.334
Chi phí nhân công	1.657.836.311	2.279.062.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	730.424.085	624.469.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.091.986	1.657.982.947
Chi phí khác bằng tiền	47.099.091	1.180.428.041
	3.085.509.053	5.792.039.134



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 16.)

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2022	2021
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.600.000	140.300.924.500
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	102.600.000	140.300.924.500
Mua hàng hóa, dịch vụ		-	118.942.870.568
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	-	117.892.870.568
Số dư tại ngày kết thúc kỳ:			
	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
Phải thu khách hàng		0	112.860.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	-	112.860.000
Người mua trả tiền trước		1.245.052.000	0
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	1.245.052.000	-
Vay tiền		14.077.000.000	26.377.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình		14.077.000.000	18.887.000.000
Ông Hoàng Văn Hưng		-	7.490.000.000

073087
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHẬP KHẨU
QUẢNG BÌNH
HẢI PHÒNG
NG-TP. HẢI

a

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho quý II/2022 kết thúc ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn Đất Việt tại Hà Nội và báo cáo tài chính bán niên được kiểm toán bởi công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.



Trần Xuân Đạt
Người lập



Trần Thị Yến Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022



Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2022

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý II năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng quý II năm 2022 của công ty là 12,82 tỷ đồng, tăng 12,58 tỷ đồng so với lợi nhuận cùng kỳ của năm 2021 (Lợi nhuận sau thuế của quý II năm 2021 là 0,25 tỷ đồng). Nguyên nhân được xác định như sau:

- Quý II năm 2022, công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Hải Phòng, số tiền lãi được giảm trừ là 36,38 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty CP XNK Quảng Bình đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Cảng Cạn Quảng Bình- Đình Vũ do đơn vị mình nắm giữ cho Công ty TNHH MTV trung tâm Logistic xanh. Sau khi hoàn tất chuyển việc chuyển nhượng cổ phần trên, công ty Quảng Bình đã được hoàn nhập số tiền đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con số tiền là 59,21 tỷ đồng. Vì vậy, chi phí tài chính quý II năm 2022 giảm 111,41 tỷ đồng so với quý II năm 2021 (chi phí tài chính của quý II năm 2021 là 21,59 tỷ đồng).
- Chi phí khác tăng 78,03 tỷ so với quý II năm 2021 tương ứng tăng 3.292% do quý II năm 2022 công ty thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 lô đất với tổng diện tích 6.810 m² tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với nguyên giá 80,4 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận khác của quý II năm 2022 thấp hơn 82,86 tỷ so với lợi nhuận khác của quý II năm 2021.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý II năm 2022 của công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

2 CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thị Thanh Hương

